

-았/었-

thì quá khứ

Được chèn vào động từ trước đuôi câu. Nguyên âm được chọn y hệt như -아요/어요, nên học một cái là biết luôn cái kia.

Cách kết hợp

Loại gốc từ	Dạng	Ví dụ
Nguyên âm cuối ㅏ hoặc ㅑ	-았-	살다 → 살았어요
Nguyên âm giống nhau gộp lại	-았- bị hấp thụ	가다 → 갔어요
Nguyên âm khác	-었-	먹다 → 먹었어요
Động từ 하다	했	공부하다 → 공부했어요
Với đuôi trang trọng	-았/었습니다	먹었습니다
이다	이었어요 / 였어요	학생이었어요 / 친구였어요

Khi nào dùng

-았/었- là một trung tố: nó nằm giữa gốc từ và đuôi đứng sau. 먹 + 었 + 어요 cho 먹었어요; với đuôi trang trọng thì cho 먹었습니다. Mọi đuôi mà bạn đã biết đều có thể đứng sau nó.

Quy tắc nguyên âm giống hệt thì hiện tại lịch sự. Nguyên âm cuối của gốc từ là ㅏ hoặc ㅑ thì dùng 았; các trường hợp khác dùng 었; 하다 thành 했. Các hiện tượng gộp âm cũng xảy ra như vậy: 가 + 았 gộp thành 갔, 보 + 았 thành 봤, 마시 + 었 thành 마셨.

Có một điểm khác với tiếng Việt nên lưu ý sớm. Tiếng Hàn dùng quá khứ cho những trạng thái bắt đầu từ trước và vẫn còn tiếp diễn: 결혼했어요 nghĩa là “tôi đã có gia đình”, chứ không chỉ là “tôi đã kết hôn (lúc nào đó)”. Tương tự với 앓았어요 (tôi đang ngồi) và 닮았어요 (chúng tôi giống nhau).

Ví dụ trong câu

- 1 어제 친구를 만났어요.
Hôm qua tôi đã gặp bạn.
- 2 아침에 밥을 안 먹었어요.
Sáng nay tôi không ăn sáng.
- 3 언니는 작년에 결혼했어요.
Chị gái tôi đã kết hôn năm ngoái.
- 4 그 사람은 아버지를 닮았어요.
Anh ấy giống bố.
- 5 학생이었을 때 자주 갔어요.
Hồi còn là sinh viên, tôi hay đến đó.
- 6 지금 막 도착했습니다.
Tôi vừa mới đến.

So sánh với

-고 있었다

-았/었- cho biết một việc đã xảy ra; -고 있었다 cho biết việc đó đang diễn ra tại một thời điểm cụ thể. Ý “lúc đó đang làm” trong tiếng Việt cần dùng dạng thứ hai.

숙제를 했어요. (đã làm bài tập) / 숙제를 하고 있었어요. (lúc đó đang làm bài tập)

-았/었었-

Lặp lại nó sẽ đẩy sự việc lùi xa hơn và cắt đứt với hiện tại — một trạng thái từng tồn tại nhưng nay không còn nữa.

서울에 살았어요. (tôi đã sống ở Seoul) / 서울에 살았었어요. (tôi từng sống ở Seoul, nhưng bây giờ thì không)

Trạng thái kết quả

Một số động từ tiếng Hàn dùng quá khứ ở chỗ tiếng Việt dùng hiện tại, vì hành động đã tạo ra một trạng thái còn tiếp diễn.

앓았어요. (tôi đang ngồi) / 닮았어요. (họ giống nhau)

Lưu ý

- ✗ 어제 학교에 가았어요.

○ 어제 학교에 갔어요.

Gốc từ đã kết thúc bằng ㅏ, nên 앓 gộp vào đó. 사다 → 샀어요 và 만나다 → 만났어요 cũng tương tự.
- ✗ 한국어를 공부하였어요.

○ 한국어를 공부했어요.

하다 thành 했 ở thì quá khứ, không bao giờ là 하였. Mọi từ ghép với 하다 đều như vậy: 일했어요, 운동했어요, 사랑했어요.
- ✗ 어제 친구를 만나요.

○ 어제 친구를 만났어요.

Một từ chỉ thời gian như 어제 tự nó không làm động từ thành quá khứ. Khác với tiếng Việt, tiếng Hàn luôn đánh dấu thì trên động từ.